

Số: /BC-SNN

Cao Bằng, ngày 11 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022; dự kiến kế hoạch năm 2023 lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

Thực hiện Công văn số 1822/VP-KT, ngày 27 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022; dự kiến kế hoạch năm 2023 trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN

1. Tình hình tham mưu, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ

Để thực hiện hiệu quả các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức quán triệt, xây dựng các chương trình, kế hoạch để tham mưu triển khai các nội dung của các văn bản như: Nghị Quyết số 01/NQ-CP, ngày 08/01/2022 của Chính phủ về Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Nghị quyết số 02/NQ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022; Nghị quyết số 88/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022; Quyết định số 2515/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022.

Trên cơ sở các Văn bản giao chỉ tiêu thực hiện hiện phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 của Trung ương, của HĐND, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành các Kế hoạch số 216/KH-SNN về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP; Phương án sản xuất vụ Đông Xuân năm 2021 – 2022, Chương trình công tác năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT số 397/CTr-SNN, ngày 15/3/2022 và thực hiện chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ ngành Nông nghiệp và PTNT nhằm phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cụ thể như:

- Chỉ đạo các địa phương thu hoạch các cây trồng vụ Đông – Xuân, gieo trồng vụ Hè Thu 2022; theo dõi, dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên cây trồng. Tham mưu trình tỉnh UBND tỉnh ban hành Quyết định quy trình tạm thời kỹ thuật trồng và chăm sóc một số cây trồng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; đơn giá áp dụng bồi thường đối với cây nho Hạ Đen phục vụ công tác GPMB.

- Tiếp tục chỉ đạo và phối hợp với các địa phương tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh trên động vật, đặc biệt là Dịch tả lợn Châu Phi và bệnh viêm da nổi cục trên trâu bò. Tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Chỉ đạo các địa phương việc thực hiện vệ sinh, phun khử trùng tiêu độc tại chợ và các biện pháp phòng, chống dịch Cúm gia cầm. Tham mưu trình UBND tỉnh xin chủ trương HĐND tỉnh Ban hành Nghị quyết “Chính sách hỗ trợ xây dựng chuồng trại đại gia súc di dời ra khỏi gầm sàn nhà ở đảm bảo hợp vệ sinh, gắn với mục tiêu xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Thống kê và xây dựng dự toán hỗ trợ kinh phí cho các hộ bị thiệt hại do dịch tả lợn Châu Phi năm 2021.

- Chỉ đạo các địa phương thực hiện kế hoạch đảm bảo nước tưới phục vụ sản xuất vụ Hè Thu năm 2022. Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành văn bản triển khai các nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia đến năm 2025. Đảm bảo công tác Văn phòng TT Ban Chỉ huy PTDS, Phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh. Tham gia kiểm tra, chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả thiên tai tại huyện Bảo Lâm.

- Kiểm tra về sản xuất kinh doanh giống cây trồng, phân bón tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh, đồng thời chỉ đạo các cơ sở, địa phương cung ứng đầy đủ kịp thời các loại giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y phục vụ sản xuất.

- Chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt công tác chăm sóc và bảo vệ rừng, tăng cường công tác bảo vệ rừng, xử lý vi phạm, phòng chống cháy rừng. Tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục để tổ chức đấu thầu Dự án bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2021 - 2025.

- Tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh triển khai chương trình MTQG xây dựng NTM. Tổ chức triển khai, rà soát, đánh giá các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2022. Chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, tham mưu sửa đổi Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp hỗ trợ các dự án trọng điểm của tỉnh như: dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Đồng Đăng – Lạng Sơn, Trà Lĩnh – Cao Bằng; dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tỉnh Cao Bằng...

2. Tình hình về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.1. Công tác trồng trọt và bảo vệ thực vật

2.1.1. Kết quả sản xuất trồng trọt

Trong sản xuất năm 2022, sản lượng các loại cây trồng chính đã đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch vụ Đông xuân do ngay từ đầu vụ Sở Nông nghiệp và

PTNT chủ động phối hợp các địa phương chủ động bám sát cơ sở; xây dựng phương án sản xuất, ban hành các văn bản chỉ đạo sản xuất như: khung thời vụ, cơ cấu giống cây trồng; chăm sóc cây trồng và phòng trừ sâu bệnh hại kịp thời, tổ chức chuyển đổi cơ cấu cây trồng, khắc phục tình trạng hạn hán cục bộ tại một số địa phương.

a) Kết quả sản xuất vụ đông xuân

- Về cây lương thực: Sản lượng lương thực 125.184/119.547 tấn, đạt 104,7% KH, bằng 101,3% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó:

+ Lúa xuân diện tích 3.711,6 ha/3.657 ha, đạt 101,5% KH, bằng 101,2% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 51,7 tạ/ha/51,0 tạ/ha, đạt 101,4% KH, bằng 98,6% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 19.189 tấn/18.650,7 tấn đạt 102,3% KH, bằng 99,7% so với cùng kỳ.

+ Ngô xuân: diện tích 25.802 ha/25.308 ha, đạt 102,0% KH; bằng 100,2% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 41,08 tạ/ha /39,8 tạ/ha, đạt 103,2 % KH, bằng 101,4% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 105.995,7 tấn/100.825 tấn đạt 105,1% KH, bằng 101,6 % so với cùng kỳ.

- Về cây công nghiệp:

+ Cây thuốc lá: diện tích 3.290 ha/3.056 ha, đạt 107,7% KH, bằng 109,0% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 25,5/25,0 tạ/ha, đạt 102,0% KH, bằng 100,2% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 8.392,8 tấn/7.678 tấn bằng 109,3% KH, bằng 108% so với cùng kỳ.

+ Cây sắn: diện tích 2.633,6 ha/2.026 ha, đạt 129,9% KH, bằng 90,7% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 155/152 tạ/ha, đạt 101,9% KH, bằng 100,4% so với cùng kỳ; sản lượng ước đạt 40.821/30.865 tấn đạt 132,3% KH, bằng 91,1% so với cùng kỳ.

+ Cây mía: diện tích 3.049,2 ha/2.948 ha, đạt 103,4% KH, bằng 115,1% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 679,8/678 tạ/ha, đạt 100,3% KH, bằng 97,7% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 207.278,5 tấn/199.990 tấn đạt 103,6% KH, bằng 112,5% so với cùng kỳ.

- Về một số cây trồng khác:

+ Cây Dong riềng: diện tích 473,0/371,0 ha, đạt 127,5% KH, bằng 116,5% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 539,7/566 tạ/ha, đạt 95,4% KH, bằng 108,1% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 25.529,2 tấn/21.006 tấn, đạt 121,5% KH, bằng 125,8 % so với cùng kỳ.

+ Cây Thạch đen: diện tích 563,6/415,0 ha, đạt 135,8% KH, bằng 109,5% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 56,5/55 tạ/ha, đạt 102,7% KH, bằng 100% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 3.186 tấn/2.268 tấn, đạt 140,5% KH, bằng 109,5% so với cùng kỳ.

+ Cây Gừng trâu: diện tích 166,7/120 ha, đạt 138,9% KH, bằng 117% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 180/170 tạ/ha, đạt 105,9% KH, bằng 100% so

với cùng kỳ; sản lượng ước đạt 3.000,6 tấn/2.040 tấn, đạt 147,1% KH, bằng 117 % so với cùng kỳ.

b) Ước Kết quả thực hiện cả năm 2022

- Tổng sản lượng lương thực ước đạt 291,5 nghìn tấn, đạt 104,5% KH; so với cùng kỳ 2021 bằng 100,5%.

- Cây lúa, diện tích ước đạt 29.687 ha; đạt 100,2% KH, bằng 101,7% so với cùng kỳ 2021; Năng suất ước đạt 45,6 tạ/ha, đạt 101,3% KH, bằng 99,5% so với cùng kỳ 2021; Sản lượng 135,3 nghìn tấn, đạt 100,9% KH, bằng 101,2% so với cùng kỳ 2021.

- Cây ngô, diện tích ước đạt 40.769,3 ha, đạt 103,6% KH, bằng 98,7% với cùng kỳ 2021; Năng suất ước đạt 38,3 tạ/ha, đạt 104,1% KH, bằng 101% so với cùng kỳ 2021; Sản lượng 156,2 nghìn tấn, đạt 108% KH, bằng 99,7% so với năm 2021.

- Cây lạc, diện tích ước đạt 1.888,5 ha, đạt 99% KH, bằng 98,8% so với năm 2021; Năng suất ước đạt 15,1 tạ/ha, đạt 100,7% KH, bằng 101,4% so với năm 2021; Sản lượng đạt 2.854,2 tấn, đạt 99,9% KH; bằng 100,2 % so với năm 2021.

- Cây thuốc lá: diện tích 3.290 ha/3.056 ha, đạt 107,7% KH, bằng 107,6% so với cùng kỳ; năng suất 25,5 tạ/ha, đạt 102 % KH, bằng 100,2% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 8.392,8 tấn đạt 109,3% KH, bằng 108% so với cùng kỳ.

- Cây đỗ tương, diện tích ước đạt 2.556,7 ha, đạt 96% KH, so với cùng kỳ bằng 106,3%; Năng suất ước đạt 10,3 tạ/ha, đạt 103,5% KH, bằng 100,6 % so với cùng kỳ; Sản lượng 2.641,1 tấn đạt 103,9% KH; bằng 106,9% so với cùng kỳ.

- Cây mía, diện tích ước đạt 3.049,2 ha, đạt 103,4% KH, bằng 107,1% so với cùng kỳ; năng suất 679,8 tạ/ha, đạt 100,3% KH, bằng 111,4% so với cùng kỳ; sản lượng 207,2 nghìn tấn, đạt 103,6% KH, bằng 119,4% so với cùng kỳ.

- Cây sắn, diện tích ước đạt 2.633,6 ha, đạt 130% KH, bằng 90,8% so với cùng kỳ; năng suất 155 tạ/ha, đạt 102% KH, bằng 100,4% so với cùng kỳ; sản lượng 40.820 tấn, đạt 132,3 % KH, bằng 91,1 % so với cùng kỳ.

- Cây dong riềng, diện tích ước đạt 473 ha, đạt 127,5% KH, bằng 116,5% so với cùng kỳ; năng suất 539,7 tạ/ha, đạt 95,4% KH, bằng 108,1% so với cùng kỳ; sản lượng 25.529 tấn, đạt 121,5% KH, bằng 125,8% so với cùng kỳ.

- Cây thạch đen, diện tích ước đạt 563,6 ha, đạt 135,8% KH, bằng 109,5% so với cùng kỳ; năng suất 56,5 tạ/ha, đạt 102,7% KH, bằng 99,9 % so với cùng kỳ; sản lượng 3.186,6 tấn, đạt 140,5% KH, bằng 109,5 % so với cùng kỳ.

- Cây gừng trâu, diện tích ước đạt 166,7 ha, đạt 138,7% KH, bằng 117% so với cùng kỳ; năng suất 180 tạ/ha, đạt 105,9% KH, bằng 100% so với cùng kỳ; sản lượng 3.000,6 tấn, đạt 147,1% KH, bằng 117% so với cùng kỳ.

- Cỏ chăn nuôi, diện tích ước đạt 1.370,2 ha, đạt 142,7% KH, bằng 179,1% so với cùng kỳ; năng suất 435 tạ/ha, đạt 100% KH, bằng 101,2% so với cùng kỳ; sản lượng 59.603,7 tấn, đạt 142,6% KH, bằng 181,2% so với cùng kỳ.

- Cây khoai tây, diện tích ước đạt 145 ha, đạt 174,7% KH, bằng 114,4% so với cùng kỳ; năng suất 165 tạ/ha, đạt 110,8% KH, bằng 110,1% so với cùng kỳ; sản lượng 2.393,6 tấn, đạt 193,3% KH, bằng 125,9% so với cùng kỳ.

2.2. Công tác chăn nuôi, thú y

2.2.1. Tổng đàn gia súc, gia cầm

Trong năm 2022 tình hình phát triển chăn nuôi theo hướng ổn định, số lượng tổng đàn tăng nhẹ so với thời điểm đầu năm do việc thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ chăn nuôi và kiểm soát dịch bệnh trên đàn vật nuôi. Các định bệnh đã cơ bản được khống chế, bệnh dịch tả lợn Châu Phi chỉ còn xảy ra rải rác ở một số địa phương.

- Tổng đàn trâu có 106.334 con/104.958 con (đạt 101,31% so với kế hoạch), bằng 104,4% so với cùng kỳ.

- Đàn bò có 105.929 con/113.519 con (đạt 93,31% so với kế hoạch), bằng 98,6% so với cùng kỳ.

- Đàn lợn có 310.133 con/321.008 con (đạt 96,61% so với kế hoạch), bằng 102,5% so với cùng kỳ. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng 6 tháng đầu năm đạt 13.821,27 tấn (đạt 51,1% so với kế hoạch); ước sản lượng thịt hơi xuất chuồng đến tháng 12 năm 2022 đạt 27.055 tấn, đạt 100% Kế hoạch.

- Đàn gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) có 3.048,11 nghìn con/2.953 nghìn con (đạt 103,22% so với kế hoạch), bằng 102,7% so với cùng kỳ 2021.

2.2.2. Tình hình dịch bệnh

Trong năm 2022 tình hình dịch bệnh vẫn diễn ra rải rác tại một số huyện, thành phố. Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương tăng cường thực hiện các biện pháp phòng trừ dịch bệnh như: Tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao hiểu biết trong chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học; Thành lập các chốt trạm kiểm dịch khoanh vùng nơi xảy ra dịch; Kiểm soát việc giết mổ và vận chuyển động vật, sản phẩm thịt động vật; Cách ly trâu bò bị mắc bệnh, xử lý tiêu hủy đối với lợn nhiễm dịch tả lợn Châu Phi; Tổ chức tiêm phòng vacxin đợt I và đợt II; Phun hóa chất khử trùng, tiêu độc chuồng trại, xử lý ve mòng; hướng dẫn người dân chăm sóc và chữa trị cho gia súc mắc bệnh... Đến nay dịch bệnh đã có chiều hướng giảm mạnh so với cùng kỳ. Tình hình cụ thể như sau:

- Dịch bệnh trên đàn trâu bò tương đối ổn định, không có ổ dịch lớn xảy ra. Bệnh Viêm da nổi cục xảy ra tại xã Thạch Lâm, huyện Bảo Lâm làm mắc 07 con bò của 07 hộ chăn nuôi. Tính đến nay ổ dịch đã qua 21 ngày không phát sinh ổ dịch mới. Bệnh Tụ huyết trùng xảy ra rải rác tại các địa phương với tổng

số gia súc mắc bệnh 151 con, chết 41 con; Các bệnh khác như: Tiêu chảy, Phân trắng bê nghé, viêm phổi... với tổng số 251 con gia súc mắc bệnh, chết 07 con.

- Đối với đàn lợn: Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi xảy ra rải rác tại một số huyện, Tổng số lợn mắc bệnh và buộc tiêu hủy 498 con lợn, trọng lượng 20.300kg. Bệnh Tu huyết trùng xảy ra rải rác tại các địa phương gây mắc 267 con, chết 102 con, tuy nhiên hiện nay vẫn được kiểm soát tốt.

2.2.3. Công tác di dời gia súc ra khỏi gầm sàn

Mặc dù trong quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn do trong năm thời tiết không thuận lợi, mưa nhiều gây khó khăn cho bà con trong việc thực hiện xây dựng chuồng trại mới. Sở NN và PTNT đã phối hợp cùng các địa phương hỗ trợ người dân đẩy mạnh công tác đưa gia súc ra khỏi gầm sàn.

Kết quả thực hiện di dời 6 tháng đầu năm 2022 là 325/2.215 hộ (đạt 14,7% kế hoạch). Dự kiến kết quả năm 2022: Hoàn thành 100% kế hoạch năm.

2.3. Thủy sản

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2022 ước đạt 380 ha, bằng 100% so với KH, bằng 107,5 % so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thủy sản cả năm đạt 578 tấn, bằng 100% so với KH, bằng 100,6 % so với cùng kỳ năm trước. Trong đó sản lượng thủy sản khai thác là 106 tấn, bằng 92,6 % so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm thủy sản nuôi trồng là 472 tấn, bằng 102,7 % so với cùng kỳ năm trước.

2.4. Công tác lâm nghiệp

- Kết quả trồng rừng tháng 7 năm 2022 (từ 15/6/2022 đến 15/7/2022): 183,94 ha. Diện tích trồng rừng sản xuất Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng: 96,9 ha. Diện tích trồng rừng phòng hộ Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng: 2,8 ha. Diện tích trồng lại rừng sau khai thác: 71,41 ha. Diện tích trồng rừng mới khác (các hộ gia đình): 12,83 ha. Tổng hợp kết quả trồng rừng lũy kế tính đến ngày 15/7/2022: 589,35 ha, tăng 352 % so với cùng kỳ năm 2021. Bao gồm: Trồng rừng sản xuất Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng: diện tích đã trồng là 373/1.800 ha đạt 20,72 % chỉ tiêu giao; Trồng rừng sau khai thác của các hộ gia đình: 198,81 ha (huyện Trùng Khánh, Thành Phố, Hà Quảng, Thạch An và Hạ Lang); Trồng rừng sản xuất chương trình khác: 17,54 ha. Ước thực hiện đến cuối năm 1.800 ha, đạt 100% Kế hoạch được giao.

- Tình hình khai thác lâm sản: Từ ngày 15/6/2022 đến 15/7/2022 số liệu khai thác lâm sản trên địa bàn toàn tỉnh như sau: Khai thác rừng trồng của hộ gia đình, cá nhân: 2.147,595 m³. Khai thác cây phân tán: 96,215 m³. Khai thác lâm sản ngoài gỗ: 127.800 cây Trúc; 1.825 tấn Hoa Hài. Tổng khối lượng 2.243,81 m³. Lũy kế từ đầu năm 2022 đã khai thác được 9.073m³ sản lượng gỗ khai thác, bằng 55,19% so với cùng kỳ năm 2021.

2.5. Công tác Thủy lợi, phòng chống thiên tai và nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn

2.5.1. Công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi

Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Công ty TNHH MTV Thủy nông triển khai thực hiện kế hoạch tưới vụ Đông Xuân năm 2021-2022 và vụ mùa năm 2022. Kết quả diện tích các cây trồng được tưới từ công trình thủy lợi (ha) vụ Đông Xuân: Tổng số 13.875/34.533 ha (trong đó Lúa 3.760ha; rau màu 4.913 ha; Cây công nghiệp ngắn ngày 5.202 ha). Diện tích gieo trồng Lúa Mùa được tưới từ công trình thủy lợi 25.662 ha.

Chủ động duy tu sửa chữa, nạo vét các tuyến kênh tạo nguồn, kênh nội đồng, cống lấy nước, hạn chế tối đa thất thoát nước; khai thác vận hành công trình hợp lý, đảm bảo cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sinh hoạt; có kế hoạch cung cấp nước, cắt nước hợp lý, sử dụng biện pháp tưới luân phiên; xây dựng kế hoạch vận hành công trình theo từng thời đoạn bảo đảm nước tưới và phục vụ dân sinh.

2.5.2. Công tác phòng chống thiên tai

- Tham mưu trình UBND tỉnh các kế hoạch: Kế hoạch Phòng, chống thiên tai tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch phòng, chống thiên tai năm 2022 tỉnh Cao Bằng. Xây dựng Kế hoạch ứng phó thảm họa vỡ đập, hồ chứa thủy lợi, cháy rừng, dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Khung giám sát đánh giá thực hiện Chiến lược quốc gia PCTT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Danh mục chỉ tiêu GSDG thích ứng biến đổi khí hậu ngành nông nghiệp; Đề cương Báo cáo Mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 -2025, định hướng đến năm 2030.

- Triển khai công tác ứng phó mưa lớn, ngập lụt, sạt lở đất đối với công tác thi công xây dựng các công trình kè bờ sông, bờ suối; Tham gia kiểm tra hiện trường, đề xuất xử lý an toàn khu vực nguy cơ cao sạt lở đá tại xã Lê Lai, huyện Thạch An; khảo sát, đánh giá mức độ an toàn khu Pò Tôm Đeng tại xóm Canh Biện, xã Nguyễn Huệ, huyện Hòa An để triển khai dự án di dời các hộ dân trong vùng nguy cơ về thiên tai. Duy trì, theo dõi tình hình hoạt động của các trạm đo mưa tự động lắp đặt trên địa bàn tỉnh thuộc Văn phòng BCH quản lý khai thác; Theo dõi diễn biến, tình hình thời tiết, thiên tai; triển khai các bản tin cảnh báo, dự báo thiên tai của cơ quan chuyên môn; văn bản chỉ đạo của cơ quan cấp trên về phòng ngừa, ứng phó thiên tai; thực hiện tổ chức trực ban phòng, chống thiên tai tại văn phòng theo quy định.

2.5.3 Diễn biến thiên tai

Từ đầu năm 2022 đến nay, tình hình thời tiết, khí hậu thủy văn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng có những diễn biến phức tạp, khó lường, xuất hiện nhiều kiểu thời tiết cực đoan (02 đợt rét đậm, rét hại, 09 đợt mưa lớn kèm theo gió lốc, sạt lở đất đá, ngập úng, 01 mưa lớn lũ ống, lũ quét) gây thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước và Nhân dân. Tổng giá trị thiệt hại khoảng 38,2 tỷ đồng.

- Số người chết: 08 người (06 người do nước cuốn trôi; 01 người do sạt lở đất vùi lấp; 01 người do sét đánh).

- Về nhà ở: 307 nhà bị thiệt hại (91 nhà bị sạt lở đất, trong đó 01 nhà sập đổ hoàn toàn; 209 nhà bị tốc mái; 01 nhà bị lũ cuốn trôi; 6 nhà bị ngập nước).

- Nhà tạm (quán bán hàng), tài sản bị lũ cuốn trôi: 04 nhà, thiệt hại tài sản, hàng hóa (01 máy rửa xe, 01 mô tơ hút nước, 01 máy hàn điện, 01 máy bắn ốc, 01 tủ lạnh, 01 máy sát thóc, 31 tấm ván bung, 9 tấm ván áo quan, 22 xăm xe máy, 01 bao mỳ trần, 01 lốc nước ngọt).

- Nông nghiệp: 863 ha hoa màu bị thiệt hại (trong đó 807,18 ha lúa, ngô bị đổ, gãy, vùi lấp cuốn trôi; 34,52 ha lúa ngập nước; 20,7 ha cây công nghiệp bị ngập úng (cây thuốc lá, đỗ tương, sắn); 0,6 ha cỏ voi bị ngập úng và một số cây ăn quả ngắn ngày bị gãy, đổ).

- Đất nông nghiệp bị vùi lấp: 0,41 ha.

- Lâm nghiệp: 01 ha cây keo bị đổ, gãy

- Vật nuôi: 1.311 con bị chết rét, cuốn trôi, trong đó: trâu: 650 con; bò: 216 con; ngựa: 2 con; dê: 150 con; lợn 43 con; gia cầm: 250 con.

- Thủy sản: 2,96 ha nuôi cá, 400kg cá thương phẩm bị cuốn trôi tại huyện Hà Quảng, huyện Hạ Lang.

- Tài sản khác: 01 xe ô tô con bị hư hỏng nặng do lở đá tại huyện Hà Quảng.

- Giao thông: Các tuyến quốc lộ QL34, QL34B, QL4C, QL4A bị sạt lở taluy dương tổng khối lượng đất đá 36.570 m³ và 318 md taluy âm, đổ gãy 160m kè rọ đá, 126 m hộ lan tôn sóng bị hư hỏng. các tuyến đường tỉnh: ĐT219 bị sạt lở đá taluy dương, taluy âm vùi lấp, hư hỏng mặt đường và ách tắc giao thông (chiều dài bị vùi lấp 134m, khối lượng 2.250m³ đá) và tuyến ĐT209, 209A, ĐT212, ĐT202, ĐT207, ĐT216 nhiều điểm bị sạt lở taluy dương tổng khối lượng 10.775 m³, 20 md taluy âm; 30 tuyến đường GTNT bị xói, sạt lở tại huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm, Nguyên Bình, Thạch An, Hạ Lang, Quảng Hòa, TP.Cao Bằng; Cầu tạm bị cuốn trôi: 01 cái.

- Thủy lợi: Đập thủy lợi bị cuốn trôi: 01 cái (xã Cai Bộ, huyện Quảng Uyên); Kênh mương thủy lợi bị đổ, gãy: 05 công trình, L=35m (kết cấu bê tông), gồm các tuyến kênh hồ Nà Vàng L=30m, kênh hồ Co Po, xã Đức Long L=5m; Kênh thủy lợi bị bồi lấp: 31,44m³, kênh hồ Nà Tấu, xã Lê Lợi, Thạch An; kênh xã Kim Cúc và xã Khánh Xuân, huyện Bảo Lạc bị đất, đá bồi lấp, hư hỏng L=200m.

- Công nghiệp: Cột điện cao thế bị đổ: 01 (huyện Hạ Lang); Lưới điện hạ thế bị đứt do đá lở, cây đổ gây đổ cột điện (xã Lê Lai, Thạch An; Xuân Trường, Bảo Lạc).

- Giáo dục: 03 điểm trường, trong đó 02 bị sạt lở đất (Trường mầm non Nà Hiên, xã Vĩnh Quang, huyện Bảo Lâm gây vùi lấp, đổ tường lớp học; Trường PTDTBT&THCS xã Vĩnh Phong, huyện Bảo Lâm sạt lún, đổ gãy 30m kè chắn

đất khu ký túc xá học sinh), 01 bị tốc mái (Phòng công vụ Trường Mầm non xóm Nà Mon, xã Nam Cao, huyện Bảo Lâm)

- Công trình Văn hóa: Nhà văn hóa xóm bị tốc mái: 02 nhà (xóm Cỏ Phương 1, Cỏ Phương 2 xã Đức Hồng, huyện Trùng Khánh)

2.5.4. Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn

Triển khai Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng Thế giới”, Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai 19 công trình cấp nước sinh hoạt, cải tạo công trình cấp nước sinh hoạt trên 6 huyện, thành phố. Tổng mức vốn đầu tư: **47.242,168** triệu đồng.

(Có biểu chi tiết nguồn vốn gửi kèm)

2.6. Công tác xây dựng nông thôn mới, phát triển nông thôn

2.6.1. Công tác xây dựng nông thôn mới

- Tham mưu triển khai các nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025: Dự thảo kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022; Dự thảo Quyết định phân công trách nhiệm của các Sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Dự thảo Quyết định phân công các cơ quan, đơn vị phụ trách, giúp đỡ xã thực hiện xây dựng nông thôn mới; Dự thảo quy định tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu đối với thôn, bản; Dự thảo Quyết định UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 – 2025; Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ dự án hỗ trợ PTXS thuộc Chương trình MTQG.

- Tăng cường các biện pháp tổ chức, chỉ đạo thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình (định kỳ, đột xuất). Đảm bảo thực hiện hoàn thành nhiệm vụ năm 2022; Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các huyện, xã thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí của chương trình. Phấn đấu bình quân tiêu chí toàn tỉnh đạt 12,5 tiêu chí/xã.

- Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm: Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực và nhận thức về Chương trình OCOP cho đối tượng là cán bộ quản lý, phụ trách Chương trình OCOP ở các cấp; các chủ thể sản xuất tham gia Chương trình OCOP; thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại cho các sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên, giúp các chủ thể sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm nhà phân phối, mở rộng thị trường; Thực hiện hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị, phù hợp với lợi thế và điều kiện của địa phương. Hỗ trợ chuẩn hóa các sản phẩm phẩm đăng ký tham gia chương trình OCOP năm 2022. Phấn đấu có từ 30 sản phẩm trở lên đạt tiêu chí sản phẩm OCOP 3, 4 sao cấp tỉnh; Tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2022; chứng nhận các sản phẩm đạt 3 sao cấp tỉnh năm 2022

* Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM: Đến tháng 7/2022, Số xã đạt 19 tiêu chí: 17/139 xã (chiếm 12,2% tổng số xã trên toàn tỉnh); Bình quân tiêu chí/xã toàn tỉnh ước đạt 11,63 tiêu chí/xã.

2.6.2. Chương trình bố trí ổn định dân cư

- Theo dõi tình hình bố trí dân cư tại các huyện, đặc biệt là di dân vùng có nguy cơ thiên tai, dân di cư tự do. Đôn đốc các huyện thực hiện di dời các hộ dân vùng thiên tai, di dân biên giới đã được bố trí vốn năm 2021.

- Chủ động nghiên cứu nội dung Chương trình Bố trí dân cư giai đoạn 2021- 2025 đã được Chính phủ phê duyệt, đề xuất các nhiệm vụ tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2022 - 2025: Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình trung hạn và năm 2022 (Có biểu chi tiết nguồn vốn gửi kèm).

- Tham mưu tăng cường công tác kiểm tra tình hình thực hiện chương trình di dân bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh.

2.6.3. Công tác phát triển kinh tế tập thể, trang trại

Theo kết quả tổng hợp từ các huyện, thành phố, trong 6 tháng đầu năm 2022, thành lập mới 11 HTX nông nghiệp (đạt 73,3% chỉ tiêu kế hoạch), giải thể 03 HTX, tổng số HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh 136 HTX, với tổng số 1.145 thành viên, trong đó: 680 thành viên là lao động thường xuyên. Ước đến 31/12/2022 thành lập mới được 15 HTX nông nghiệp, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

Tổng số liên hiệp hợp tác xã là 01 liên hiệp HTX với tổng số HTX thành viên là 09 hợp tác xã. Tổng số lao động làm việc thường xuyên là 66 thành viên.

Thành lập mới 17 nhóm sở thích, nâng tổng số tổ hợp tác nông nghiệp và nhóm sở thích toàn tỉnh lên 613. Trong đó, 17 tổ hợp tác với 132 thành viên tham gia và 596 nhóm sở thích (CIG) với 7.986 thành viên tham gia. Nhóm sở thích được dự án hỗ trợ kinh doanh nông hộ tỉnh Cao Bằng (CSSP) củng cố, hỗ trợ tư vấn thành lập tại 03 huyện: Thạch An, Nguyên Bình và Hà Quảng. Bản chất nhóm sở thích giống như tổ hợp tác, hỗ trợ nhau phát triển sản xuất nông sản của địa phương như: lạc, gừng, nghệ, mía, rau an toàn...

2.6.4. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (CT 30a, 135)

- Hướng dẫn các huyện, thành phố triển khai chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững khi có văn bản hướng dẫn mới của Trung ương.

- Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn huyện Trùng Khánh triển khai thực hiện nguồn kinh phí sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc CTMTQG giảm nghèo bền vững (bổ sung dự toán năm 2021) đồng thời chỉ đạo các huyện đẩy nhanh tiến độ thực hiện hỗ trợ và giải ngân nguồn vốn đã UBND tỉnh giao.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NĂM 2022

1. Kết quả đạt được

Năm 2022 việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển ngành nông nghiệp luôn nhận được sự chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời về chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và PTNT, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; Sự phối hợp chặt chẽ của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, Thành phố và sự chung sức, đồng hành của doanh nghiệp và bà con nông dân. Kết quả ngành nông nghiệp đã có nhiều chuyển biến tích cực, cụ thể như:

- Một số chỉ tiêu lĩnh vực nông nghiệp được thực hiện ước đạt và vượt kế hoạch như: Tổng sản lượng lương thực ước đạt 291,5 nghìn tấn, đạt 104,5% KH; so với cùng kỳ 2021 bằng 100,5%; giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên một đơn vị diện tích ước đạt 44 triệu đồng/ha, đạt 100% KH; tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt trên 92%, đạt 100% KH; các cây trồng chính có giá trị kinh tế cao đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch như cây lúa xuân, ngô đông xuân, các loại cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt.

- Công tác phòng chống dịch bệnh, phòng chống đói rét cho đàn vật nuôi đã được các địa phương quan tâm thực hiện, đặc biệt là trong công tác phòng chống dịch tả lợn Châu phi và dịch viêm da nổi cục. Đến hết năm 2022 ước tính tổng đàn vật nuôi đều tăng so với cùng kỳ năm 2021.

- Công tác phòng cháy chữa cháy rừng, công tác ngăn chặn khai thác vận chuyển lâm sản trái phép được duy trì hiệu quả. Ý thức của người dân trong việc thực hiện phòng chống cháy rừng cao.

- Chất lượng giống tốt, vật tư phân bón đầy đủ, thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo. Bên cạnh đó đã chỉ đạo sản xuất đúng thời vụ, kết hợp với chỉ đạo sát sao nên đã mang lại hiệu quả cao trong sản xuất.

- Công tác vệ sinh ATTP được tăng cường, đảm bảo vệ sinh ATTP trên địa bàn tỉnh; Các công tác thủy lợi, xây dựng nông thôn mới được thực hiện tốt, đảm bảo yêu cầu cho phục vụ sản xuất và yêu cầu kế hoạch đặt ra.

2. Khó khăn

- Sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn do thời tiết gây ra, giá cả vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tăng cao làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp chưa thực sự bền vững, việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp còn chậm, chủ yếu là sản xuất nhỏ, phân tán. Các hình thức tổ chức sản xuất đã được hình thành song chưa phát huy được hiệu quả, do đó chất lượng sản phẩm còn thấp chưa đáp ứng yêu cầu thị trường; sản xuất cơ bản chưa gắn kết được các khâu chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Các sản phẩm sản xuất chủ yếu bán thô, chưa qua chế biến nên giá trị thấp và thường bị ép giá khi được mùa.

- Sản phẩm hàng hóa tạo ra chưa đáp ứng được yêu cầu thị trường, phần lớn sản xuất chưa gắn với chế biến, tiêu thụ, việc thu hút doanh nghiệp trong bao tiêu sản phẩm cũng gặp nhiều khó khăn;

- Người dân chưa mạnh dạn trong vấn đề chuyển đổi cơ cấu cây trồng để tạo ra sản phẩm hàng hóa. Diện tích đất canh tác nhỏ lẻ, manh mún gây trở ngại rất lớn trong việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất;

- Công tác bảo vệ và phát triển rừng gặp không ít khó khăn trong tìm hiện trường, vì diện tích đất nhỏ lẻ, manh mún không đủ điều kiện thiết kế trồng rừng, nhiều nơi có thể trồng rừng được nhưng xa đường giao thông khó khăn cho công việc vận chuyển cây giống, phân bón và quá trình khai thác;

- Công tác chăn nuôi và thú y: Tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi chưa được kiểm soát triệt để, vẫn xảy ra tình trạng dịch bệnh bùng phát và lây lan tại một số địa phương. Nguyên nhân do thời tiết nắng nóng kéo dài tạo điều kiện cho mầm bệnh phát tán và dễ lây lan, nhận thức của một số bộ phận người dân trong công tác phòng chống dịch vẫn còn hạn chế, đặc biệt là đối với các hộ dân sống tại vùng sâu, vùng xa.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn chậm, chưa có nhiều chuyển biến. Nguyên nhân là do chưa huy động được nhiều nguồn lực để thực hiện chương trình và chưa có hướng dẫn cụ thể của trung ương về cơ chế lồng ghép nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện thống nhất; chưa có quyết định giao vốn cho các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố để triển khai thực hiện.

3. Tồn tại, hạn chế

- Sự phối kết hợp của một số địa phương cơ sở trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp chưa thật sự chặt chẽ. Công tác theo dõi và báo cáo tình hình biến động trong sản xuất nông nghiệp đôi khi còn chậm, chưa kịp thời, ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo, triển khai khắc phục khi có vấn đề xảy ra.

- Công tác trồng trọt, bảo vệ thực vật: Tình hình sản xuất vẫn nhỏ lẻ, manh mún, thiếu ổn định; kỹ thuật canh tác trong sản xuất nông nghiệp còn nhiều hạn chế, bón phân chưa cân đối, đầy đủ; việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, công nghệ tiên tiến có hiệu quả vào sản xuất chưa mạnh.

- Công tác chăn nuôi và thú y: Nhận thức của người dân trong công tác phòng chống dịch vẫn còn hạn chế, một số chính quyền địa phương trong triển khai thực hiện còn thiếu sự kiểm tra, đôn đốc; tình hình thời tiết nóng ẩm, mưa nhiều thuận lợi dịch bệnh phát triển và lây lan, đặc biệt là bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình phát triển chăn nuôi.

- Một số địa phương chưa thật sự quan tâm đến vấn đề an toàn thực phẩm, nhân lực thiếu, kinh phí dành cho công tác an toàn thực phẩm rất hạn chế, một số ít cơ sở còn sản xuất, chế biến, kinh doanh những thực phẩm không an toàn, sử dụng chất cấm, chất phụ gia ngoài danh mục cho phép.

- Công tác tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức cho nông dân về liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị tại một số địa phương còn nhiều hạn chế; tập quán canh tác của người dân theo kinh nghiệm còn phổ biến, chưa chú trọng áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp tốt, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của doanh nghiệp, hợp tác xã. Nông dân chưa hiểu và thấy được lợi ích lâu dài của việc liên kết sản xuất nông nghiệp, doanh nghiệp chưa chú trọng vào khâu đầu tư phát triển vùng nguyên liệu để thực hiện hợp đồng liên kết sản xuất bền vững.

- Dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ nông sản nói riêng và sản xuất nông nghiệp nói chung.

4. Ước thực hiện đến hết năm 2022

- Tổng sản phẩm (GRDP) nông lâm ngư nghiệp tăng 3,07% đạt 100% Kế hoạch.

- Giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha) 44 triệu đồng đạt 100 % Kế hoạch.

- Tăng thêm 05 xã điểm đạt từ 17 - 18 tiêu chí, đạt 100% Kế hoạch.

- Tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 57,19%, đạt 100% Kế hoạch.

- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh 92% đạt 100% Kế hoạch.

- Đưa số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn đạt trên 2.215 hộ. Đạt 100% Kế hoạch.

5. Những giải pháp cụ thể để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022

- Tiếp tục tăng cường công tác lãnh, chỉ đạo, phối hợp của cấp ủy, chính quyền các cấp trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp; tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch thực hiện nội dung đột phá về nông nghiệp thông minh, nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá đặc hữu gắn với chế biến năm 2023.

- củng cố tổ chức và tăng cường năng lực cho các đơn vị dịch vụ phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp. Tập trung phát triển trung tâm dịch vụ nông nghiệp để làm cơ sở triển khai các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, hỗ trợ cung ứng vật tư đầu vào, tổ chức hỗ trợ liên kết sản xuất.

- Làm tốt công tác quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản: Tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm, kiểm tra chuyên ngành vật tư nông nghiệp, xử lý nghiêm những vi phạm quy định về an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, kinh doanh các sản phẩm nông sản không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt công tác thường trực phòng chống lụt bão và khắc phục hậu quả thiên tai; xây dựng kế hoạch kinh phí đề nghị sửa chữa, nâng cấp các công trình bị hư hỏng; dự trữ tại các ao hồ, sửa chữa, nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy để chủ động phục vụ tưới tiêu cho sản xuất.

- Tăng cường phối hợp với các cấp, các ngành, các doanh nghiệp tăng cường xúc tiến thương mại nông, lâm, thủy sản; tư vấn, tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm nông nghiệp của người dân, doanh nghiệp, HTX; đưa sản phẩm nông sản của tỉnh Cao Bằng tham gia các hội chợ trong nước nhằm quảng bá, giới thiệu nông sản địa phương tới tay người tiêu dùng trong nước.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp hỗ trợ các dự án trọng điểm của tỉnh như: dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Đồng Đăng – Lạng Sơn, Trà Lĩnh – Cao Bằng; dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tỉnh Cao Bằng.

III. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN NĂM 2023

1. Kế hoạch chỉ tiêu Nông nghiệp và PTNT năm 2023

- Tổng sản phẩm (GRDP) nông lâm ngư nghiệp tăng trưởng từ 3% - 3,1%.
- Giá trị sản xuất nông nghiệp ước đạt 46 triệu đồng.
- Tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 57,83 %.
- Phân đầu tăng thêm 05 xã điểm đạt từ 17 - 18 tiêu chí.
- Tỷ lệ dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh ước đạt 93%.
- Tỷ lệ số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà 1.909 hộ.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

- Tăng cường công tác lãnh, chỉ đạo, phối hợp của cấp ủy, chính quyền các cấp trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp; tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch thực hiện nội dung đột phá về nông nghiệp thông minh, nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá đặc hữu gắn với chế biến năm 2023, trong đó:

+ Trồng trọt: Rà soát diện tích đất nông nghiệp chưa sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả để chuyển đổi sang cây trồng khác cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao hơn. Làm tốt công tác dự tính, dự báo, thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện sâu bệnh hại và có biện pháp tổ chức phòng trừ kịp thời, không để lây lan thành dịch. Tập trung chỉ đạo áp dụng quy trình sản xuất đồng bộ cho từng loại cây trồng từ khâu gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch, chế biến, bảo quản nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Tăng cường công tác quản lý giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tại các huyện, Thành phố.

+ Chăn nuôi: Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu lại chăn nuôi, cơ cấu lại giống vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất và giá trị, tiếp tục triển khai các giải

pháp chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung gia trại, trang trại. Thực hiện các giải pháp khuyến khích, hỗ trợ các hộ chăn nuôi tái đàn (đối với chăn nuôi lợn) và tăng đàn vật nuôi các loại. Tập trung thu hút và hỗ trợ để các dự án chăn nuôi tập trung sớm đi vào hoạt động và mở rộng quy mô sản xuất. Thực hiện tốt công tác phòng trừ dịch bệnh gia súc, gia cầm, phòng, chống rét và chủ động thức ăn cho đàn gia súc, gia cầm trong mùa đông.

+ Lâm nghiệp: Tập trung triển khai sớm các dự án trồng rừng năm 2023. Thực hiện trồng rừng gỗ lớn, gỗ nhỏ, trúc sào, quế hồi; trồng cây dược liệu... Ứng dụng khoa học công nghệ về trang thiết bị khai thác, chế biến, công nghệ tiên tiến trong sản xuất nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị. Làm tốt công tác bảo vệ phòng chống cháy rừng, ngăn chặn có hiệu quả việc khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản trái phép.

- Củng cố tổ chức và tăng cường năng lực cho các đơn vị dịch vụ phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp. Tập trung phát triển trung tâm dịch vụ nông nghiệp để làm cơ sở triển khai các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, hỗ trợ cung ứng vật tư đầu vào, tổ chức hỗ trợ liên kết sản xuất...

- Làm tốt công tác quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản: Tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm, kiểm tra chuyên ngành vật tư nông nghiệp, xử lý nghiêm những vi phạm quy định về an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, kinh doanh các sản phẩm nông sản không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Tổ chức thực hiện tốt công tác thường trực phòng chống lụt bão và khắc phục hậu quả thiên tai; xây dựng kế hoạch kinh phí đề nghị sửa chữa, nâng cấp các công trình bị hư hỏng; dự trữ tại các ao hồ, sửa chữa, nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy để chủ động phục vụ tưới tiêu cho sản xuất.

- Tập trung chỉ đạo các địa phương, các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 thực hiện hoàn thành chỉ tiêu, xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng, huy động nguồn lực trong dân để xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh công tác phát triển kinh tế tập thể, kinh tế trang trại, các hình thức sản xuất theo mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã, mô hình trang trại nông nghiệp, mô hình liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản xuất. Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, HTX đầu tư dự án, thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi sản phẩm.

- Phối hợp với các cấp, các ngành, các doanh nghiệp tăng cường xúc tiến thương mại nông, lâm, thủy sản; tư vấn, tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm nông nghiệp của người dân, doanh nghiệp, HTX; đưa sản phẩm nông sản của tỉnh Cao Bằng tham gia các hội chợ trong nước nhằm quảng bá, giới thiệu nông sản địa phương tới tay người tiêu dùng trong nước.

- Tiếp tục triển khai tốt các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh để tạo điều kiện cho nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư phát triển nông nghiệp.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp hỗ trợ các dự án trọng điểm của tỉnh như: dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Đồng Đăng – Lạng Sơn, Trà Lĩnh – Cao Bằng; dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tỉnh Cao Bằng.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022; dự kiến kế hoạch năm 2023 trên địa bàn tỉnh của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thái Hà